

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 10 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch sửa chữa đường tỉnh, đường huyện  
trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn năm 2021 - 2025**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/06/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì đường bộ;*

*Căn cứ Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ địa phương tỉnh Lạng Sơn;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2731/TTr-SGTVT ngày 15/10/2020.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch sửa chữa đường tỉnh, đường huyện trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn năm 2021 - 2025 với những nội dung sau:

#### **1. Mục tiêu**

Sửa chữa các tuyến đường tỉnh, đường huyện trên địa bàn tỉnh nhằm khôi phục lại tình trạng kỹ thuật của đường, duy trì và nâng cao khả năng khai thác của tuyến đường, đáp ứng nhu cầu đi lại của Nhân dân, đảm bảo ATGT, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

#### **2. Phương án sửa chữa**

##### **2.1. Giải pháp sửa chữa**

Do tính chất công trình chỉ thực hiện sửa chữa trên nền, mặt đường cũ, nên không thực hiện giải phóng mặt bằng. Ngoài các biện pháp sửa chữa truyền thống, ưu tiên áp dụng các công nghệ mới để sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo

khôi phục lại tình trạng kỹ thuật của đường, kinh phí phù hợp. Các giải pháp cụ thể như sau:

#### 2.1.1. Sửa chữa mặt đường bê tông nhựa:

Cắt mặt, đào bỏ mặt đường bị hư hỏng, vận chuyển đổ đi; đào khuôn đường, xây dựng lớp móng đá dăm nước hoặc cấp phối đá dăm. Thảm lớp BTNC19 hoàn trả mặt đường, sửa chữa hệ thống thoát nước, ATGT.

Suất đầu tư dự kiến: 2.200 triệu đồng/1Km.

2.1.2. Sửa chữa mặt đường láng nhựa, mặt đường cấp phối bị hư hỏng: áp dụng công nghệ cào bóc tái sinh nguội tại chỗ, sau đó láng nhựa nhũ tương mặt đường, sửa chữa hệ thống thoát nước, ATGT.

Suất đầu tư dự kiến: 1.500 triệu đồng/1Km.

2.1.3. Các tuyến đường đất: Gia cố nền đường bằng tro bay, tro xỉ, láng nhựa nhũ tương mặt đường, sửa chữa hệ thống thoát nước, ATGT.

Suất đầu tư dự kiến: 900 triệu đồng/1Km.

### 2.2. Về nguồn vốn

- Nguồn vốn: Ngân sách chi cho công tác bảo trì đường bộ địa phương được phân bổ từ Trung ương (trước đây là nguồn Quỹ bảo trì đường bộ), nguồn vốn sự nghiệp kinh tế hằng năm từ ngân sách tỉnh, ngân sách huyện (chi sự nghiệp giao thông có tính chất đầu tư), các nguồn vốn khác.

- Cơ cấu phân bổ vốn:

+ Đối với hệ thống đường tỉnh: Ngân sách chi cho công tác bảo trì đường bộ địa phương được phân bổ từ trung ương (bố trí khoảng 70% trên tổng số được giao), nguồn vốn sự nghiệp kinh tế hằng năm từ ngân sách tỉnh, (chi sự nghiệp giao thông có tính chất đầu tư), các nguồn vốn khác thuộc ngân sách tỉnh.

+ Đối với hệ thống đường huyện: Ngân sách chi cho công tác bảo trì đường bộ địa phương được phân bổ từ trung ương (bố trí khoảng 30% trên tổng số được giao), nguồn vốn sự nghiệp kinh tế hằng năm từ ngân sách huyện (chi sự nghiệp giao thông có tính chất đầu tư), các nguồn vốn khác thuộc ngân sách huyện.

### 3. Kế hoạch sửa chữa đường bộ địa phương giai đoạn năm 2021-2025:

**3.1. Nguyên tắc xây dựng Kế hoạch:** dựa trên nhu cầu sửa chữa các tuyến đường tỉnh, đường huyện giai đoạn năm 2021-2025, Sở Giao thông vận tải đề xuất xây dựng Kế hoạch theo từng mức độ ưu tiên như sau:

- Ưu tiên 1: sửa chữa khôi phục lại tình trạng kỹ thuật của đường đôi với các tuyến đường tỉnh, đường huyện đã được đầu tư hoàn chỉnh nhưng hiện tại đã hư hỏng và đến thời kỳ sửa chữa. Sửa chữa rải nhựa hoặc BTXM các đoạn tuyến đường tỉnh hiện tại mặt đường là cấp phối, đất.

- Ưu tiên 2: Sửa chữa rải nhựa hoặc BTXM các tuyến, đoạn tuyến đường huyện hiện tại mặt đường là cấp phối, đất.

### **3.2. Kế hoạch sửa chữa đường tỉnh, đường huyện giai đoạn năm 2021-2025**

Sửa chữa các tuyến đường tỉnh, đường huyện theo nhu cầu sửa chữa với mức độ Ưu tiên 1. Kế hoạch sửa chữa đường bộ địa phương giai đoạn năm 2021-2025 là 646,125 tỷ đồng, trong đó:

- Kế hoạch sửa chữa đường tỉnh giai đoạn 2021-2025:

+ Sửa chữa định kỳ nền, mặt và hoàn thiện hệ thống thoát nước, hệ thống an toàn giao thông trên các tuyến đường tỉnh với tổng chiều dài 232,43Km.

+ Dự kiến kinh phí thực hiện: 334,295 tỷ đồng

- Kế hoạch sửa chữa đường huyện giai đoạn 2021-2025:

+ Sửa chữa định kỳ nền, mặt và hoàn thiện hệ thống thoát nước, hệ thống an toàn giao thông trên các tuyến đường huyện với tổng chiều dài 204,2Km.

+ Dự kiến kinh phí thực hiện: 311,830 tỷ đồng

*(Chi tiết theo phụ lục số 1, 2 đính kèm)*

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

##### **1. Sở Giao thông vận tải**

- Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Kế hoạch sau khi được phê duyệt theo đúng quy định.

- Trên cơ sở Kế hoạch được duyệt, tiến hành lập và trình UBND tỉnh kế hoạch sửa chữa đường bộ địa phương hằng năm.

- Tổ chức quản lý, bảo trì, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hệ thống giao thông đường tỉnh.

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn giao thông và công trình giao thông trên địa bàn theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện.

- Chỉ đạo lực lượng Thanh tra Sở tăng cường phối hợp với các lực lượng chức năng và chính quyền địa phương kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực giao thông đường bộ; Tăng cường công tác kiểm soát tải trọng xe trên các tuyến đường bộ.

##### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ:**

- Tổng hợp danh mục các dự án sửa chữa đường bộ và nhu cầu kinh phí trong giai đoạn 2021 – 2025 vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 để làm cơ sở triển khai thực hiện.

- Đề xuất UBND tỉnh bố trí vốn ngân sách hàng năm cho công tác sửa chữa định kỳ theo Kế hoạch được duyệt.

- Tham mưu UBND tỉnh phân bổ ngân sách chi cho công tác bảo trì đường bộ địa phương được phân bổ từ Trung ương, nguồn vốn sự nghiệp kinh tế hàng năm (chi sự nghiệp giao thông có tính chất đầu tư) và các nguồn vốn khác để triển khai thực hiện kế hoạch.

### 3. UBND các huyện, thành phố:

- Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Kế hoạch đối với hệ thống đường huyện sau khi được phê duyệt theo đúng quy định.

- Trên cơ sở kế hoạch được duyệt của cả giai đoạn 2021-2025, tiến hành lập, trình kế hoạch sửa chữa đường huyện hằng năm gửi Sở Giao thông vận tải tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức quản lý, bảo trì, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hệ thống giao thông đường huyện.

- Hằng năm có trách nhiệm bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế huyện và các huyện vốn hợp pháp khác từ ngân sách huyện cho công tác sửa chữa đường huyện theo kế hoạch;

- Tăng cường phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong công tác quản lý trật tự hành lang an toàn đường bộ; quản lý, kiểm soát tải trọng xe.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, KT(VQK).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lương Trọng Quỳnh**

**PHỤ LỤC 1. KẾ HOẠCH SỬA CHỮA CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH GIAI ĐOẠN NĂM 2021 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh)

TT	Tên tuyến đường	Danh mục sửa chữa	Địa điểm xây dựng	Tình trạng kỹ thuật	Giải pháp sửa chữa	Khối lượng SC (km)	Dự kiến Kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
1		2	3	4	5	6	7	8
<b>A</b>	<b>NĂM 2021</b>					<b>48,7</b>	<b>67,1</b>	
1	ĐT.226	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km22-Km29 ĐT.226	Huyện Bình Gia	Mặt đường đã bị hư hỏng nứt vỡ 70%	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	7	10,5	
2	ĐT.229	Sửa chữa tăng cường mặt đường đoạn Km10-Km12 ĐT.229	Huyện Tràng Định	Mặt đường láng nhựa đã bị hư hỏng nứt vỡ 70%	Cào bóc tái chế, bổ sung hệ thống thoát nước.	2	3	
2	ĐT.233	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn km0-Km5+200, ĐT.233	Huyện Bình Gia	Mặt đường láng nhựa bị rạn nứt, hư hỏng 70% diện tích.	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	5,2	7,8	
3	ĐT.239	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km16-Km23+500, ĐT.239	Huyện Văn Quan	Mặt đường láng nhựa bị rạn nứt hư hỏng 85% diện tích mặt đường	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	7,5	11,25	
4	ĐT.241	Sửa chữa hư hỏng mặt đường Km1-Km5 ĐT.241	Huyện Lộc Bình	Mặt đường láng nhựa bị rạn nứt hư hỏng 60% diện tích mặt đường	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	4	6	
5	ĐT.242	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đoạn km0-Km1+300, Km14+200-Km19, Km22-Km23+200, ĐT.242	Huyện Hữu Lũng	Mặt đường láng nhựa bị rạn nứt hư hỏng trung bình 60% diện tích mặt đường	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	7,3	11	

6	ĐT.244	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km0-Km5+720 ĐT.244	Huyện Hữu Lũng	Mặt đường đã bị hư hỏng hoàn toàn	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	5,7	8,55	
7	ĐT.245	Sửa chữa cải tạo nền đường và hệ thống thoát nước đoạn Km0-Km10, ĐT.245	Huyện Hữu Lũng	Mặt đường đất, mùa mưa đi lại lầy lội, chưa có hệ thống thoát nước ngang	Gia cố mặt đường bằng <u>tro bay</u> kết hợp xi măng	10	9	
<b>B</b>	<b>NĂM 2022</b>					<b>51,42</b>	<b>77,13</b>	
1	ĐT.226	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km29-Km39+500 ĐT.226	Huyện Bình Gia	Mặt đường đã bị hư hỏng nứt vỡ 70%	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	10,5	15,75	
		Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km46+500-Km53 ĐT.226	Huyện Tràng Định	Mặt đường đã bị hư hỏng nứt vỡ 70%	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	6,5	9,75	
2	ĐT.232	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đoạn Km15 - Km26, ĐT.232	Huyện Văn Lãng	Mặt đường láng nhựa bị hư hỏng 70%	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	11	16,5	
3	ĐT.239	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đoạn Km16 - Km23, ĐT.239	Huyện Văn Quan	Mặt đường láng nhựa bị rạn nứt hư hỏng 85% diện tích	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	7	10,5	
4	ĐT.242	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đoạn Km23+200 - Km26+340, ĐT.242	Huyện Hữu Lũng	Mặt đường láng nhựa bị rạn nứt hư hỏng 50% diện tích	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	3,14	4,71	
5	ĐT.244	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km5+720 - Km12+000 ĐT.244	Huyện Hữu Lũng	Mặt đường láng nhựa bị rạn nứt hư hỏng 95% diện tích mặt đường	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	6,28	9,4	
6	ĐT.246	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km17-Km24, ĐT.246	Huyện Đình Lập	Mặt đường đã bị hư hỏng nứt vỡ 70%	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	7	10,5	

<b>C</b>		<b>NĂM 2023</b>					<b>41,9</b>	<b>60,45</b>	
1	ĐT.226	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km39+000-Km46+500 ĐT.226	Huyện Bình Gia, Tràng Định	Mặt đường đã bị hư hỏng nứt vỡ 70%	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	7,5	11,25		
2	ĐT.239	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đoạn Km0 - Km8, ĐT.239	Huyện Cao Lộc	Mặt đường láng nhựa bị rạn nứt hư hỏng 60% diện tích	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	8	9,6		
3	ĐT.241	Sửa chữa hư hỏng mặt đường Km5-Km12+600 ĐT.241	Huyện Lộc Bình	Mặt đường láng nhựa bị nứt vỡ hư hỏng	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế, tăng cường hệ thống ATGT	7,6	11,4		
4	ĐT.244	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km12+500 - Km15+800 ĐT.244	Huyện Hữu Lũng	Mặt đường láng nhựa bị rạn nứt hư hỏng 95% diện tích mặt đường	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	3,8	5,7		
5	ĐT.250	Sửa chữa hư hỏng mặt đường Km0-Km25, ĐT.250	Huyện Lộc Bình	Mặt đường láng nhựa bị rạn nứt hư hỏng 65% diện tích	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	15	22,5		
<b>D</b>		<b>NĂM 2024</b>					<b>34,5</b>	<b>51,7</b>	
1	ĐT.229	Sửa chữa tăng cường mặt đường đoạn Km22-Km26 ĐT.229	Huyện Tràng Định	Mặt đường cấp phối, mùa mưa đi lại lầy lội, chưa có hệ thống thoát nước ngang	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	4	6		
2	ĐT.231	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km0-Km22+00, ĐT.231	Huyện Văn Lãng	Mặt đường Láng nhựa, bị rạn nứt hư hỏng khoảng 70% diện tích mặt đường	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	15,4	23,1		

3	ĐT.242	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km1+300-Km3+000, Km4+650-Km7+000, ĐT.242	Huyện Hữu Lũng	Mặt đường Láng nhựa, BTN bị rạn nứt hư hỏng	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	5,05	7,6	
4	ĐT.244	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km5+720-Km15+800, ĐT.244	Huyện Hữu Lũng	Mặt đường đã bị hư hỏng hoàn toàn	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	10	15	
<b>Đ</b>	<b>NĂM 2025</b>					<b>56,0</b>	<b>77,9</b>	
2	ĐT.231	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km22+000-Km47+800, ĐT.231	Huyện Văn Lãng	Mặt đường Láng nhựa, bị rạn nứt hư hỏng khoảng 70% diện tích mặt đường	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	18,06	27,1	
1	ĐT.236	Sửa chữa tăng cường mặt đường đoạn Km0-Km15, ĐT.236	Huyện Lộc Bình	Mặt đường BTN bị rạn nứt hư hỏng	Sửa chữa tăng cường mặt đường bằng BTN	12	12	
2	ĐT.243	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km36-Km46+00, ĐT.243	Huyện Bắc Sơn	Mặt đường Láng nhựa, bị rạn nứt hư hỏng	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	10	15	
4	ĐT.233	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km10-Km25+900, ĐT.233	Huyện Văn Quan	Mặt đường Láng nhựa, bị rạn nứt hư hỏng	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	15,9	23,85	
		<b>Tổng kinh phí dự kiến</b>				<b>232,43</b>	<b>334,295</b>	



**PHỤ LỤC 2. KẾ HOẠCH SỬA CHỮA CÁC TUYẾN ĐƯỜNG HUYỆN GIAI ĐOẠN NĂM 2021 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh)

TT	Tên tuyến đường	Danh mục sửa chữa	Địa điểm xây dựng	Tình trạng kỹ thuật hiện hữu	Giải pháp sửa chữa	Khối lượng SC (km)	Dự kiến Kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
1		2	3	4	5	6	7	8
<b>A</b>	<b>NĂM 2021</b>					<b>61,78</b>	<b>93,215</b>	
<b>I</b>	<b>HUYỆN BẮC SƠN</b>					<b>9,25</b>	<b>13,7</b>	
1	ĐH.70	Sửa chữa cải tạo nền đường và hệ thống thoát nước đoạn Km0+00-Km4+00, ĐH.70	Xã Hưng Vũ, Bắc Quỳnh, Huyện Bắc Sơn	Mặt đường đá dăm nước xuống <u>cấp hư</u> hỏng nặng, khó khăn cho các phương tiện lưu thông	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	4	6	
2	ĐH.76	Sửa chữa hư hỏng mặt đường bị nứt vỡ, sụt ta luy âm Km 0+800 - Km1+300, ĐH.76	Xã Đồng Ý, Huyện Bắc Sơn	Mặt đường BTXM bị nứt, sụt lún <u>phía taluy âm</u>	Xây kè bê tông, đổ lại mặt đường BTXM	0,5	1,7	
4	ĐH.78	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km17-Km21, ĐH.78	Xã Nhất Hòa, Tân Thành, Huyện Bắc Sơn	Mặt đường đã bị hư hỏng nứt vỡ 80%	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	4	6	
<b>III</b>	<b>HUYỆN CAO LỘC</b>					<b>22,5</b>	<b>33,75</b>	

1	ĐH.21	Sửa chữa cải tạo nền đường và hệ thống thoát nước đường ĐH.21 (Cao Lâu - Xuất Lễ)	Xã Cao Lâu, xã Xuất Lễ	Mặt đường láng nhựa bị hỏng, <u>bong bật</u> 100%	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	5,5	8,25	
2	ĐH.24	Sửa chữa cải tạo nền đường và hệ thống thoát nước đường ĐH.24 (Cao Lộc - Lộc Yên - Đông Nội)	xã Hợp Thành, Thạch Đạn, Thanh Loà, Lộc Yên	Mặt đường láng nhựa bị hỏng	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	9	13,5	
3	ĐH.26	Sửa chữa cải tạo nền đường và hệ thống thoát nước đường ĐH.26 (Pò Nghiều - <u>Phú Xá</u> - Hồng Phong)	Xã Thuy Hùng, Phú xá, Hồng Phong	Mặt đường láng nhựa bị hỏng, <u>bong bật</u> 75%	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	8	12	
<b>IV</b>	<b>HUYỆN CHI LĂNG</b>					<b>8,05</b>	<b>12,075</b>	
1	ĐH.89	Sửa chữa cục bộ, nền, mặt đường và cải tạo hệ thống thoát nước đoạn Km0+00 - Km5+00 ĐH.89	Xã Bằng Mạc	Mặt đường láng nhựa bị rạn nứt hư hỏng 45% diện tích	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	3,5	5,25	
2	ĐH.88	Sửa chữa cục bộ, nền, mặt đường và cải tạo hệ thống thoát nước đoạn Km 0+00 - Km 6+500/ĐH.88	Xã Hòa Bình	Mặt đường láng nhựa bị rạn nứt hư hỏng 45% diện tích	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	4,55	6,825	
<b>VIII</b>	<b>THÀNH PHỐ LẠNG SƠN</b>					<b>2,7</b>	<b>5,94</b>	

1	ĐH.99	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước Km3+312-Km6+100	TP Lạng Sơn	Mặt đường láng nhựa được đầu tư từ lâu đã hư hỏng nền mặt đường	Xử lý hư hỏng nền mặt đường, tăng cường mặt đường bằng bê tông nhựa <u>nóng</u>	2,7	5,94	
<b>IX</b>	<b>HUYỆN TRÀNG ĐỊNH</b>					<b>4</b>	<b>6</b>	
1	ĐH.01	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km9-Km13 ĐH.01	Xã Trung Thành	Mặt đường láng nhựa đã bị hư hỏng <u>lún võng</u> 70%	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	4	6	
<b>X</b>	<b>HUYỆN VĂN LÃNG</b>					<b>2,5</b>	<b>3,75</b>	
1	ĐH.19	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km0+00-Km2+500 ĐH.19	Xã Bắc Hùng	Mặt đường bị lún, nứt vỡ hư hỏng nặng	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	2,50	3,75	
<b>XI</b>	<b>VĂN QUAN</b>					<b>12</b>	<b>18</b>	
1	ĐH.59 B	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km0-Km12	Huyện Văn Quan	Mặt đường láng nhựa hư hỏng nặng	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	12,00	18,00	
<b>B</b>	<b>NĂM 2022</b>					<b>51,30</b>	<b>78,43</b>	
<b>1</b>	<b>HUYỆN BẮC SƠN</b>					<b>11,8</b>	<b>17,7</b>	
1	ĐH.78	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km3-Km8 và đoạn Km10-Km11	Xã Vũ Lăng, Huyện Bắc Sơn	Mặt đường đã bị hư hỏng nứt vỡ 80%	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	5	7,5	

3	ĐH.70	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km4 - Km6+800, ĐH.70	Xã Bắc Quỳnh, xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn	Mặt đường đá dăm nước xuống cấp hư hỏng nặng, khó khăn cho các phương tiện lưu thông	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	2,8	4,2	
5	ĐH.78	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km13- Km17, ĐH.78	Tân Thành, Huyện Bắc Sơn	Mặt đường bị hư hỏng nứt vỡ 80%	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	4	6	
<b>3</b>	<b>HUYỆN CAO LỘC</b>					<b>8,50</b>	<b>8,93</b>	
	ĐH 29	Sửa chữa nền mặt đường và hệ thống thoát nước đường Khánh Khê Khuổi Mạ ĐH.29	Xã Bình Trung	Mặt đường láng nhựa bị hỏng, bong bật 65%	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	8,5	8,93	
<b>4</b>	<b>HUYỆN CHI LĂNG</b>					<b>10,9</b>	<b>16,35</b>	
1	ĐH.88	Sửa chữa cục bộ, nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km6+500 - Km10+400 ĐH.88	Xã Vạn Linh	Sửa chữa cục bộ, láng nhựa mặt đường diện tích bị hư hỏng	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	3,9	5,85	
2	ĐH.89	Sửa chữa cục bộ, nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km 5+00 - Km 12+00 ĐH.89	Xã Bằng Hữu	Sửa chữa cục bộ, láng nhựa mặt đường diện tích bị hư hỏng	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	7	10,5	
<b>8</b>	<b>TP LẠNG SƠN</b>					<b>3</b>	<b>6,6</b>	

	Bản Lũng - Lũng Cùg ĐH 99B	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km0-Km3 Đường Bản Lũng - Lũng Cùg ĐH 99B	TP Lạng Sơn	Mặt đường láng nhựa được đầu tư từ lâu, đã gia cố lè, cạp mở rộng mặt đường và nâng cấp hệ thống thoát nước	Thảm mặt đường bằng bê tông nhựa nóng	3	6,6	
<b>9</b>	<b>HUYỆN TRẢNG ĐỊNH</b>					<b>4</b>	<b>6,5</b>	
	ĐH.01	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km13-Km16 ĐH.01	Xã Trung Thành	Mặt đường láng nhựa đã bị hư hỏng lún võng 70%	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	3	4,5	
	ĐH.03	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km5+00 - Km6+00 ĐH.03	Xã Hùng Sơn	Mặt đường BTXM bị nứt vỡ, hư hỏng 50%	Sửa chữa hư hỏng mặt đường BTXM	1	2	
<b>10</b>	<b>HUYỆN VĂN LÃNG</b>					<b>4,5</b>	<b>9,45</b>	
	ĐH.10	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km3+00-Km7+500 ĐH.10	Xã Trùng Khánh	Mặt đường bị lún, nứt vỡ hư hỏng nặng	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	4,50	9,45	
<b>11</b>	<b>HUYỆN VĂN QUAN</b>					<b>8,6</b>	<b>12,9</b>	
1	ĐH.59	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km0-Km8+600, ĐH.59	Huyện Văn Quan	Mặt đường láng nhựa hư hỏng nặng	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	8,60	12,90	
<b>C</b>	<b>NĂM 2023</b>					<b>40,8</b>	<b>60,2</b>	

<b>1</b>	<b>HUYỆN BẮC SƠN</b>					<b>11,5</b>	<b>17,25</b>	
1	ĐH.78	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km21-Km24, ĐH.78	Tân Thành, Huyện Bắc Sơn	Mặt đường bị hư hỏng nứt vỡ 80%	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	3	4,5	
2	ĐH.72	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km0-Km2+500, ĐH.72	xã Hưng Vũ, Huyện Bắc Sơn	Mặt đường CPĐD bị hư hỏng nặng	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	2,5	3,75	
3	ĐH.70	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đoạn Km6+800 - Km8+800, ĐH.70	Xã Bắc Quỳnh, xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn	Mặt đường đá dăm nước xuống cấp hư hỏng nặng, khó khăn cho các phương tiện lưu thông	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	2	3	
4	ĐH.76	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km4+800-Km8+800, ĐH.76	xã Tân Tri, Huyện Bắc Sơn	Mặt đường bị hư hỏng hoàn toàn	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	4	6	
<b>IV</b>	<b>HUYỆN CHI LĂNG</b>					<b>12,4</b>	<b>18,6</b>	
1	ĐH.83	Sửa chữa cục bộ, nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km0+00 - Km5+00 ĐH.83	Xã Mai Sao	Mặt đường láng nhựa bị rạn nứt hư hỏng 45% diện tích	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	5	7,5	
2	ĐH.85	Sửa chữa cục bộ, nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km 0+00 - Km 7+400 ĐH.85	Xã Mai Sao	Mặt đường láng nhựa bị rạn nứt hư hỏng 45% diện tích	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	7,4	11,1	

<b>IX</b>	<b>HUYỆN TRẢNG ĐỊNH</b>					<b>4,3</b>	<b>5,45</b>	
1	ĐH.08	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km2+00 - Km4+000 ĐH.08	Xã Cao Minh	Mặt đường BTXM qua thời gian khai thác sử dụng bị nứt vỡ, hư hỏng	Mặt đường BTXM	2	2	
2	ĐH.09	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km00 - Km2+300 ĐH.09	Xã Đại Đồng	Mặt đường láng nhựa qua thời gian khai thác sử dụng bị hư hỏng, ổ gà	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	2,3	3,45	
<b>X</b>	<b>HUYỆN VĂN LÃNG</b>					<b>12,6</b>	<b>18,9</b>	
<b>1</b>	ĐH.12	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km1+100-Km13+700 ĐH.12	Bắc Việt	Mặt đường bị lún, nứt vỡ hư hỏng nặng	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	12,60	18,90	
<b>D</b>	<b>NĂM 2024</b>					<b>37,225</b>	<b>62,14</b>	
<b>I</b>	<b>HUYỆN BẮC SƠN</b>					<b>7,1</b>	<b>12,82</b>	
1	ĐH.78	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km24-Km28, ĐH.78	Tân Thành, Huyện Bắc Sơn	Mặt đường qua thời gian khai thác, sử dụng bị hư hỏng rạn nứt	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	4	6	
3	ĐH.76	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km0+800-Km3+900, ĐH.76	xã Đồng Ý, Tân Tri, Huyện Bắc Sơn	Mặt đường qua thời gian khai thác, sử dụng bị hư hỏng	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, tăng cường lớp BTN	3,1	6,8	
<b>IV</b>	<b>HUYỆN CHI LÃNG</b>					<b>11,2</b>	<b>16,8</b>	

1	ĐH.87	Sửa chữa nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km 0+00 - Km 6+200 ĐH.87	Xã Vạn Linh, Y Tịch	Mặt đường láng nhựa bị rạn nứt hư hỏng 35% diện tích	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	6,2	9,3	
2	ĐH.82 A	Sửa chữa nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km 0+00 - Km 5+00 ĐH.82A	Thị trấn Chi Lăng	Mặt đường láng nhựa bị rạn nứt hư hỏng 35% diện tích	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	5	7,5	
<b>VIII</b>	<b>THÀNH PHỐ LẠNG SƠN</b>					<b>3,3</b>	<b>7,26</b>	
1	ĐH.99	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước Km0-Km3+312	TP Lạng Sơn	Mặt đường láng nhựa được đầu tư từ lâu đã hư hỏng nền mặt đường	Xử lý hư hỏng nền mặt đường, tăng cường mặt đường bằng bê tông nhựa nóng	3,3	7,26	
<b>X</b>	<b>HUYỆN VĂN LĂNG</b>					<b>3,3</b>	<b>7,26</b>	
1	ĐH.16	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km0+00-Km3+300 ĐH16	Xã Hồng Thái	Mặt đường bị lún, nứt vỡ hư hỏng nặng	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, tăng cường lớp BTN	3,30	7,26	
<b>XI</b>	<b>HUYỆN VĂN QUAN</b>					<b>12</b>	<b>18</b>	
1	ĐH.59 C	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km0-Km12+00, ĐH.59C	Huyện Văn Quan	Mặt đường láng nhựa hư hỏng nặng, hệ thống thoát nước chưa đảm bảo	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cao bóc tái chế	12,00	18	
<b>Đ</b>	<b>NĂM 2025</b>					<b>13,125</b>	<b>17,85</b>	
1	<b>HUYỆN BẮC SƠN</b>					<b>6,5</b>	<b>11,85</b>	



1	ĐH.78	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước Km28 - Km31,5 ĐH.78	Tân Thành, Huyện Bắc Sơn	Mặt đường láng nhựa qua thời gian khai thác sử dụng bị hư hỏng nứt vỡ	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	3,5	5,25	
2	ĐH.75	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km0+00-Km8+00 , ĐH.75	xã Vạn Thủy, Huyện Bắc Sơn	Mặt đường qua thời gian khai thác sử dụng bị hư hỏng	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, tăng cường lớp BTN	3	6,6	
<b>IV</b>	<b>HUYỆN CHI LĂNG</b>					<b>3</b>	<b>4,5</b>	
1	ĐH.88	Sửa chữa nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km 10+00 - Km 13+00 ĐH.88	Xã Y Tịch	Mặt đường láng nhựa bị rạn nứt hư hỏng 45% diện tích	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	3	4,5	
<b>X</b>	<b>HUYỆN VĂN LĂNG</b>					<b>1</b>	<b>1,5</b>	
	ĐH.14	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn Km0+00-Km1+00 ĐH.14	xã Thành Hòa	Mặt đường rạn nứt bong bật, hư hỏng nặng	Sửa chữa lại mặt đường sử dụng công nghệ cào bóc tái chế	1	1,5	
		<b>Tổng kinh phí dự kiến</b>				<b>204,2</b>	<b>311,830</b>	